

Phụ lục XVII
DANH MỤC 130 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ
CUNG CẤP TRỰC TUYẾN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
1	1.002706	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động	Giám định y khoa	Có	Không		X
2	1.002694	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	Giám định y khoa	Có	Không		X
3	1.002671	Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động	Giám định y khoa	Có	Không		X
4	1.002208	Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất	Giám định y khoa	Có	Không		X
5	1.002190	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai	Giám định y khoa	Có	Không		X
6	1.002168	Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần	Giám định y khoa	Có	Không		X
7	1.002146	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động	Giám định y khoa	Có	Không		X
8	1.002136	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát	Giám định y khoa	Có	Không		X
9	1.002118	Khám giám định tổng hợp	Giám định y khoa	Có	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
10	1.003691	Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	Giám định y khoa	Có	Không		X
11	1.003662	Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	Giám định y khoa	Có	Không		X
12	1.002360	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện	Giám định y khoa	Có	Không		X
13	2.001022	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	Giám định y khoa	Có	Không		X
14	1.002392	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	Giám định y khoa	Có	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
15	1.002405	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	Giám định y khoa	Có	Không		X
16	1.002412	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	Giám định y khoa	Có	Không		X
17	1.000281	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật	Giám định y khoa	Có	Không		X
18	1.000278	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Giám định y khoa	Có	Không		X
19	1.000276	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Giám định y khoa	Có	Không		X
20	1.000272	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	Giám định y khoa	Có	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
21	1.000269	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	Giám định y khoa	Có	Không		X
22	1.000262	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	Giám định y khoa	Có	Không		X
23	1.000101	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định	Giám định y khoa	Có	Không		X
24	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Có	Có		X
25		Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Có	Có		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
26		Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Có	Có		X
27	1.003332	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Có	Có		X
28	1.003876	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Có		X
29	1.003774	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
30	1.003516	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
31	1.003746	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám chữa bệnh	Có	Có		X
32	2.000984	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
33	1.003644	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
34	1.003848	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Khám chữa bệnh	Có	Có		X
35	1.003531	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Có		X
36	1.003628	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
37	1.003803	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
38	1.003547	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Có		X
39	1.003709	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
40	1.003824	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
41	1.003773	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
42	1.003800	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
43	1.003748	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
44	1.003787	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Có	Không		X
45	1.003720	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức	Khám chữa bệnh	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
		khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế					
46	1.001824	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
47	1.001846	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
48	1.001866	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
49	1.001884	Cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
50		Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Khám chữa bệnh	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
51	1.002230	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
52	1.002215	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
53	1.002205	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
54	1.002191	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
55	1.002182	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
56	1.002162	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
57	1.002140	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
58	1.002131	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	Khám chữa bệnh	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
59	1.002111	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
60	1.002097	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
61	1.002073	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
62	1.002058	Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
63	1.002037	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
64	1.002015	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
65	1.002000	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám chữa bệnh	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
66	1.001987	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
67	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
68	2.000980	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
69	2.000968	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
70	1.001393	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
71	1.001538	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
72	1.001532	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám chữa bệnh	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
73	1.001398	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
74	1.001393	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
75	1.002464	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
76	1.000562	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
77	1.000511	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Khám chữa bệnh	Không	Không		X
78	1.002235	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1, Điều 11, Thông tư số 03/2018/TT-BYT	Dược phẩm	Không	Không		X
79	1.002292	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Dược phẩm	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
80	1.004596	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Không	Không		X
81	1.004516	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Dược phẩm	Có	Có		X
82	1.004585	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Có	Có		X
83	1.004459	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Dược phẩm	Không	Không		X
84	1.004599	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược phẩm	Không	Không		X
85	1.001893	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Dược phẩm	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
86	1.002934	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d khoản 1, Điều 11, Thông tư số 02/2018/TT-BYT	Dược phẩm	Không	Không		X
87	1.004571	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Không	Không	X	
88	1.004576	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Không	Không	X	
89	1.002258	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Dược phẩm	Có	Có		X
90	1.002952	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Dược phẩm	Có	Có		X
91	1.004593	Cấp lần đầu và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	Dược phẩm	Có	Có		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
		doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế(Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)					
92	1.004557	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm	Không	Không		X
93	1.004616	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Có	Có		X
94	1.002339	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	Dược phẩm	Có	Có		X
95	1.004604	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược phẩm	Không	Không		X
96	1.002399	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Dược phẩm	Có	Có		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
97	1.003001	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Dược phẩm	Có	Có		X
98	1.004449	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Dược phẩm	Không	Không		X
99	1.004087	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Dược phẩm	Không	Không		X
100	1.003613	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	Dược phẩm	Có	Có		X
101	1.004529	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Dược phẩm	Không	Không		X
102	1.003055	Cấp giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Có	Có		X
103	1.003064	Cấp lại giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
104	1.003073	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Không	Không		X
105	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Có	Có		X
106	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm	Không	Không	X	
107	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại khoản 2, Điều 21, Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Mỹ phẩm	Không	Không	X	
108	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm	Không	Không	X	
109	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	Có	Có		X
110	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Y tế dự phòng	Không	Không		X
111	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Y tế dự phòng	Không	Không		X
112	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Y tế dự phòng	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
113	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế dự phòng	Không	Không		X
114	1.002467	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Y tế dự phòng	Có	Có		X
115	1.008859	Công bố đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động đối với cơ sở y tế thuộc thẩm quyền Sở Y tế	Y tế dự phòng	Không	Không		X
116	1.003958	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế dự phòng	Không	Không		X
117	1.000844	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	Y tế dự phòng	Không	Không		X
118	1.004607	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Y tế dự phòng	Không	Không		X
119	1.004477	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	Y tế dự phòng	Không	Không		X
120	1.004471	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	Y tế dự phòng	Không	Không		X
121	1.004461	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	Y tế dự phòng	Không	Không		X

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)	Dịch vụ công trực tuyến	
						Toàn trình	Một phần
122	2.000985	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	Không	Không	X	
123	2.000982	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D	Trang thiết bị y tế	Không	Không	X	
124	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	Có	Có	X	
125	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	Trang thiết bị y tế	Có	Có	X	
126	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Trang thiết bị y tế	Có	Có	X	
127	1.006431	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	HIV/AIDS	Không	Không		X
128	1.006422	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	HIV/AIDS	Không	Không		X
129	1.006425	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	HIV/AIDS	Không	Không		X
130	1.004488	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	HIV/AIDS	Không	Không		X